

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ

MÃ SỐ: 7310106

(Ban hành theo Quyết định số 2336/QĐ-ĐHKT ngày 16 tháng 08 năm 2019

của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
 - + Tiếng Anh: International Economics
- Mã số ngành đào tạo: 7310106
- Danh hiệu tốt nghiệp: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh tế quốc tế (Chương trình đào tạo chất lượng cao)
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in International Economics (Honors Program)
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình cử nhân Kinh tế quốc tế chất lượng cao nhằm đào tạo những sinh viên giỏi về chuyên môn, thành thạo về kỹ năng, đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, góp phần đạt mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu của chương trình là đào tạo cử nhân trong lĩnh vực kinh tế quốc tế có chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế, có năng lực tổng hợp, phân tích và trợ giúp hoạch định, tổ chức và thực thi các chính sách, cũng như lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài tại các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tập đoàn, tổng công ty hay doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài; có

năng lực tham gia nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học; có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và các lĩnh vực liên quan.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia và phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn tuyển sinh hàng năm của ĐHQGHN;

- Tổ hợp môn thi và phương thức tuyển sinh chính thức sẽ được thực hiện theo văn bản hướng dẫn tuyển sinh hàng năm của ĐHQGHN;

3.2. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế đào tạo của Trường và chỉ tiêu do ĐHQGHN phê duyệt.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sinh viên chương trình đào tạo cử nhân KTQT CLC sau khi tốt nghiệp sẽ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm và phẩm chất, đạo đức như sau:

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- *Kiến thức về lý luận chính trị*

- Hiểu kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và vận dụng trong công việc cũng như trong cuộc sống.

- Vận dụng hệ thống tri thức khoa học và những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin trong công việc cũng như trong cuộc sống.

- *Kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường*

- Áp dụng những kiến thức đã được học để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật trong thực hiện công việc và trong cuộc sống

- Tích cực tham gia bảo vệ môi trường góp phần cho việc phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững

- *Kiến thức về công nghệ thông tin*

- Sử dụng thành thạo các tính năng nâng cao của các phần mềm văn phòng thông dụng; khai thác một số dịch vụ cần thiết trên Internet;

- Biết khai thác cơ sở dữ liệu của Việt Nam và thế giới, phục vụ công việc.

- *Kiến thức về ngoại ngữ*

- Tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

- Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp; Nghe hiểu các nội dung trao đổi trong các cuộc trao đổi, hội nghị, hội thảo quốc tế.

- Vận dụng tiếng Anh học thuật trong công việc.

- *Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh*

- Vận dụng kiến thức cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới vào điều kiện tác chiến thông thường.

- Vận dụng những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện, ngăn ngừa các chấn thương để củng cố và tăng cường sức khỏe.

- Vận dụng những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao ngoại khóa cộng đồng.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Vận dụng các kiến thức toán cao cấp trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo;

- Xây dựng và phân tích được các bài toán kinh tế đơn giản;

- Sử dụng được các phần mềm thống kê cơ bản để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế xã hội và áp dụng vào nghiên cứu khoa học.

1.3. Kiến thức của khối ngành

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật để giải quyết được các vấn đề cụ thể nảy sinh trong các hoạt động kinh tế;

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao của kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp và giải thích, đánh giá được các vấn đề kinh tế.

- Vận dụng phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê kinh tế, phục vụ cho công việc.

- Vận dụng phương pháp toán kinh tế để phân tích, đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế nói chung và trong lĩnh vực kinh tế quốc tế nói riêng.

1.4. Kiến thức của nhóm ngành

- Hiểu mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

- Vận dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế làm nền tảng cho việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trọng lĩnh vực kinh tế quốc tế;

- Phân tích, đánh giá và vận dụng các nguyên lý cơ bản và nâng cao về kinh tế học để xử lý các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế và kinh doanh quốc tế.

1.5. Kiến thức ngành

- Hiểu các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế;

- Phân tích các chính sách về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài thông qua các kiến thức ngành kinh tế quốc tế và kiến nghị giải pháp;

- Vận dụng tổng hợp kiến thức ngành kinh tế quốc tế để hình thành các ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các phương án, dự án trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.

- Vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế quốc tế và kinh doanh quốc tế để tổ chức, quản lý và điều hành việc thực hiện các dự án trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.

- Vận dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực kinh tế quốc tế để hội nhập nhanh và làm việc sáng tạo trong môi trường đa văn hóa.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- *Các kỹ năng nghề nghiệp*

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn hoạt động trong lĩnh vực kinh tế quốc tế; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.

- Có kỹ năng xử lý các vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn của lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.

- Có năng lực biến ý tưởng khởi nghiệp thành hiện thực, tạo việc làm cho mình và những người khác.

- *Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*

- Có kỹ năng phân tích các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, như xu hướng tự do hóa thương mại khu vực và toàn cầu, xu hướng và sự vận động của đầu tư trực tiếp nước ngoài; xu hướng tự do hóa tài chính.

- Kỹ năng phản biện, phê phán các ý tưởng phát triển kinh doanh quốc tế, đồng thời đưa ra các giải pháp thay thế để triển khai các dự án trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế trong môi trường đa văn hóa và luôn biến động.

- *Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*

- Nghiên cứu, phát hiện các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế;

- Sử dụng các phương pháp nghiên cứu thích hợp để phân tích, đánh giá và dự báo sự vận động của nền kinh tế thế giới cũng như ảnh hưởng của nó tới kinh tế Việt Nam; xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- *Khả năng tư duy theo hệ thống*

- Có khả năng lập luận, tư duy logic và hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và kinh doanh quốc tế.

- *Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.*

- Đánh giá chất lượng và kết quả công việc của các thành viên trong nhóm dựa trên các tiêu chí cụ thể, đã được thảo luận và thống nhất.

- *Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp thực thi các dự án trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế tới người khác tại nơi làm việc .*

- Truyền đạt thông tin hiệu quả và chính xác các nội dung công việc chuyên môn cần thực hiện.

- Diễn đạt rõ ràng, trôi chảy, thuyết phục bằng lời nói với ngôn ngữ, điệu bộ thích hợp và đạt hiệu quả.

- Chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- *Các kỹ năng cá nhân*

- Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân; định hướng mục tiêu phát triển của bản thân.

- Có tư duy sáng tạo, duy phản biện, biết đề xuất sáng kiến.

- *Làm việc theo nhóm*

- Hình thành, vận hành, phát triển và lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả

- Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm;

- Biết cách chia sẻ thông tin và điều hoà các mối quan hệ trong nhóm trong nhóm.

- Có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau.

- *Quản lý và lãnh đạo*

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo được hình thành trong quá trình học tập thông qua các phương pháp học tập tích cực và làm việc theo nhóm. Bao gồm: Kỹ năng quản lý thời gian, nguồn lực; Kỹ năng xây dựng và thực hiện quy trình tổ chức sự kiện.

- *Kỹ năng giao tiếp*

- Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng;

- Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail).

- Biết cách huy động các nguồn tài trợ cho dự án, sự kiện.

- *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Giao tiếp tốt được bằng tiếng Anh, có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành kinh tế quốc tế; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn; Trình độ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập để giải quyết các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế quốc tế.

- Có khả năng làm việc theo nhóm trong môi trường đa văn hóa và luôn biến động. Chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm với nhóm về kết quả công việc mà cấp trên đã giao.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các nhiệm vụ cụ thể đã được xác định trong việc triển khai các dự án trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận về chuyên môn liên quan đến lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trước ý kiến phản biện của những người khác.

- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện các dự án trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế; Đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Lễ độ; khiêm tốn; nhiệt tình; trung thực.
- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trách nhiệm trong công việc.
- Trung thành với tổ chức.
- Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức
- Thích ứng với môi trường đa văn hóa.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tôn trọng pháp luật,
- Có tinh thần kỷ luật cao,

- Có trách nhiệm với xã hội;
- Nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội.
- Có lối sống tích cực.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1 - Chuyên viên hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách; nghiên cứu viên và giảng viên

- Có khả năng đảm nhận các công việc trợ lý hay chuyên viên hỗ trợ hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách trong lĩnh vực thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn chính sách trong các lĩnh vực này.

- Có khả năng đảm nhận các công việc trợ giúp và tham gia xây dựng, theo dõi, phân tích và tư vấn các dự án quốc tế các tổ chức quốc tế như Liên Hiệp Quốc (UN), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức lao động quốc tế (ILO)...hay các tổ chức phi chính phủ (iNGOs). Triển vọng có thể trở thành các nhà quản lý dự án phát triển quốc tế.

- Có khả năng tham gia nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế; triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên và giảng viên có chuyên môn sâu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

Nhóm 2 - Chuyên viên kế hoạch, kinh doanh và đối ngoại tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước

Có khả năng đảm nhận các công việc liên quan đến lập kế hoạch, giám sát hay thực thi các hoạt động về logistics và chuỗi cung ứng, xuất nhập khẩu, phát triển thị trường quốc tế tại các doanh nghiệp của Việt Nam, các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài; triển vọng có thể trở thành nhà quản lý hay doanh nhân trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên chất lượng cao ngành Kinh tế quốc tế có thể tiếp tục học cao học tại các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực kinh tế trong nước hoặc có thể tiếp tục học tập bậc cao hơn tại các cơ sở đào tạo nước ngoài.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - an ninh): **142 tín chỉ**

- Khối kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – an ninh):

21 tín chỉ

- Khối kiến thức theo lĩnh vực: **13 tín chỉ**

- Khối kiến thức theo khối ngành: **18 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: **16 tín chỉ**

+ *Tự chọn*: **2 tín chỉ/8 tín chỉ**

- Khối kiến thức theo nhóm ngành: **25 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: **22 tín chỉ**

+ *Tự chọn*: **3 tín chỉ/12 tín chỉ**

- Khối kiến thức ngành: **65 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: **15 tín chỉ**

+ *Tự chọn*: **36 tín chỉ/72 tín chỉ**

+ *Thực tập, thực tế và niên luận*: **7 tín chỉ**

+ *Khóa luận tốt nghiệp*: **7 tín chỉ**

(Trong tổng số 108 tín chỉ thuộc kiến thức khối ngành, nhóm ngành và ngành, có 26 tín chỉ học bằng tiếng Anh, chiếm tổng số 24%)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (Không tính các học phần 8-9)	21				
1.	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Philosophy of Marxism - Leninism</i>	3	30	15	0	
2.	PEC1008	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin <i>Political economy of Marx – Lenin</i>	2	20	10	0	PHI1006
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Science socialism</i>	2	30	0	0	
4.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10	0	
5.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	0	
6.	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	35	20	
7.	FLF1108	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	20	35	20	FLF1107
8.		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
9.		Giáo dục quốc phòng-an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	13				
10.	MAT1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	42	18	0	
11.	MAT1101	Xác suất thống kê <i>Probability and Statistics</i>	3	27	18	0	MAT1092
12.	MAT1005	Toán kinh tế <i>Mathematics for Economists</i>	3	27	18	0	BSA1053
13.	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	17	28	0	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Informatics 2</i>					
III		Khối kiến thức theo khối ngành	18				
III.1		Các học phần bắt buộc	16				
14.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương <i>Introduction to Government and Law</i>	2	23	5	2	
15.	INE1150	Kinh tế vi mô ** <i>Microeconomics</i> **	4	45	15	0	
16.	INE1151	Kinh tế vĩ mô ** <i>Macroeconomics</i> **	4	45	15	0	INE1150
17.	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế <i>Principles of Economic Statistics</i>	3	30	15	0	MAT1101
18.	INE1052	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	30	15	0	INT1004, INE1151, BSA1053
III.2		Các học phần tự chọn	2/8				
19.	BSA1054	Kỹ năng làm việc theo nhóm <i>Teamwork Skills</i>	2	20	10	0	
20.	HIS1055	Lịch sử văn minh thế giới <i>World Civilization History</i>	2	22	7	1	
21.	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>Sociology</i>	2	15	12	3	
22.	PHI1051	Lô gíc học <i>Logics</i>	2	20	6	4	
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	25				
IV.1		Các học phần bắt buộc	22				
23.	BSL2050	Luật kinh tế <i>Business Law</i>	2	15	13	2	THL1057
24.	INE1016	Phương pháp nghiên cứu kinh tế <i>Economic Research Methodology</i>	3	30	15	0	INE1151
25.	INE2101	Kinh tế vi mô chuyên sâu ** <i>Specialized Microeconomics</i>	4	45	15	0	INE1150

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
26.	INE2102	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu ** <i>Specialized Macroeconomics</i>	4	45	15	0	INE1151
27.	INE2003	Kinh tế phát triển <i>Development Economics</i>	3	29	16	0	INE1151
28.	INE2020	Kinh tế quốc tế *** <i>International Economics***</i>	3	30	15	0	INE1151
29.	PEC1050	Lịch sử các học thuyết kinh tế <i>History of Economic Doctrines</i>	3	35	5	5	
IV.2		Các học phần tự chọn	3/12				
30.	BSA2001	Nguyên lý kế toán <i>Principles in Accounting</i>	3	27	18	0	
31.	BSA2103	Nguyên lý quản trị kinh doanh <i>Principles of Management Administration</i>	3	27	18	0	
32.	BSA2002	Nguyên lý Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	21	23	1	
33.	BSA2004	Quản trị học <i>Principles of Management</i>	3	27	18	0	
V		Khối kiến thức ngành	65				
V.1		Các học phần bắt buộc	15				
34.	INE3001	Thương mại quốc tế * <i>International Trade *</i>	3	28	14	3	INE1151
35.	INE4002	Đầu tư quốc tế * <i>International Investment *</i>	3	30	15	0	INE1151
36.	INE3003	Tài chính quốc tế * <i>International Finance *</i>	3	27	15	3	INE1151
37.	INE3223	Quản trị quốc tế, quản trị đa văn hóa và xuyên quốc gia * <i>Multi-Cultural and Transnational Management *</i>	3	36	9	0	INE1151
38.	INE2028	Kinh doanh quốc tế *	3	28	13	4	INE1151

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>International Business *</i>					
V.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	36/72				
39.	INE2010	Kinh tế đối ngoại Việt Nam <i>Vietnam External Economy</i>	3	30	15	0	INE1151
40.	INE3008	Công ty xuyên quốc gia <i>Transnational Corporations</i>	3	30	15		INE1151
41.	INE3074	Các vấn đề chính sách trong nền kinh tế quốc tế <i>Policy Issues in the International Economy</i>	3	34	11		INE1151
42.	INE3109	Toàn cầu hóa và khu vực hóa trong nền kinh tế quốc tế <i>Globalization and Regionalization in the World Economy</i>	3	34	8	3	INE1151
43.	INE3104	Thương mại điện tử <i>E-Commerce</i>	3	30	15	0	INT1004
44.	INE3056	Logistics <i>Logistics</i>	3	30	15	0	INE1151
45.	INE3066	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Finance Management</i>	3	26	19	0	INE1151
46.	INE3106	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	30	15	0	INE1151
47.	BSA3002	Kế toán quốc tế *** <i>International Accounting ***</i>	3	30	15	0	BSA2001
48.	INE3107	Giao dịch thương mại quốc tế *** <i>International Trade transactions***</i>	3	30	15	0	INE1151
49.	INE3025	Quản lý nợ nước ngoài <i>International Debt Management</i>	3	30	15	0	INE1151
50.	INE2018	Phân tích chi phí và lợi ích <i>Cost-Benefit Analysis</i>	3	30	15	0	INE1151
51.	INE3081	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	15	0	INE1151

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Supply Chain Management</i>					
52.	INE2004	Kinh tế môi trường <i>Environmental Economics</i>	3	30	15	0	INE1151
53.	BSA3001	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	30	15	0	BSA2002
54.	INE 3010	Quản trị dự án quốc tế <i>International Project Management</i>	3	30	15	0	INE1151
55.	FIB 2001	Kinh tế tiền tệ ngân hàng <i>Economics of Banking, Finance and Financial Market</i>	3	30	15	0	INE1151
56.	INE 4013	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế <i>Risk Management in International Business</i>	3	30	15	0	INE1151
57.	INE3105	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương <i>Transportation and Insurance in International Trade</i>	3	30	15	0	INE1151
58.	INE 3207	Hệ thống thông tin kinh tế <i>Economic Information System</i>	3	30	15	0	INE1151
59.	INE3082	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế <i>Negotiation in international business</i>	3	30	15	0	INE1151
60.	INE 3083	Kinh doanh ngoại hối <i>Foreign Exchange Trading</i>	3	30	15	0	INE1151
61.	INE 3084	Thương mại và phát triển <i>Trade and Development</i>	3	30	15	0	INE1151
62.	INE 3085	Công nghệ mới trong kinh doanh quốc tế <i>New Technology in International Business</i>	3	30	15	0	INE1151
V.3		Thực tập thực tế và niên luận	7				

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
63.	INE4056	Thực tập thực tế <i>Internship</i>	3	0	45	0	INE1151
64.	INE4059	Niên luận ** <i>Essay **</i>	4	0	60	0	INE1151
V.4		Khóa luận tốt nghiệp	7				
65.	INE4051	Khóa luận tốt nghiệp ** <i>Thesis **</i>	7	0	105	0	
		Tổng cộng	142				

Ghi chú: Học phần Tiếng Anh thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

(*) Là học phần cùng tên, cùng số tín chỉ, nội dung nhưng chuẩn đầu ra nâng cao so với chương trình đào tạo chuẩn.

(**) Là học phần cùng tên nhưng tăng số tín chỉ, nội dung và chuẩn đầu ra nâng cao so với chương trình đào tạo chuẩn.

(***) Là học phần mới nhằm đạt chuẩn đầu ra cao hơn so với chương trình đào tạo chuẩn.

Các học phần được in đậm, nghiêng: Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh.